

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 5
TRƯỜNG TRUNG CẤP NGHỀ
KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ
HÙNG VƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**DANH SÁCH HỌC SINH ĐƯỢC CÔNG NHẬN
DANH HIỆU HỌC SINH KHÁ HỌC KỲ I NĂM HỌC 2021 - 2022**

(Kèm theo Quyết định số 23/QĐ-KTCNHV-HSSV ngày 28/9/2022 của Hiệu trưởng
Trường Trung cấp nghề Kỹ thuật Công nghệ Hùng Vương)

TT	STT	Lớp	Mã số HS	Họ và tên	Ngày/ tháng/ năm sinh	Danh hiệu học sinh
A	KHÓA 19K13					
1. KHOA CÔNG NGHỆ THÔNG TIN						
1	1	19KTĐH2	19KTHD2.02	Lê Ngọc Thùy An	26/6/2004	Khá
2	2	19KTĐH2	19KTHD2.12	Nguyễn Tiến Đạt	10/2/2003	Khá
3	3	19KTĐH2	19KTHD2.38	Đỗ Thị Tuyết Mai	12/9/2004	Khá
4	4	19KTĐH2	19KTHD2.95	Võ Trọng Nhân	28/2/2004	Khá
5	5	19KTĐH2	19KTHD2.56	Quang Minh Quân	25/11/2004	Khá
6	6	19KTĐH2	19KTHD2.16	Lương Uyển Dinh	8/9/2003	Khá
7	7	19KTĐH2	19KTHD2.97	Phan Võ Hạ Nhiên	18/11/2004	Khá
8	8	19KTĐH2	19KTHD2.30	Ngụy Tấn Khoa	11/10/2001	Khá
9	9	19KTĐH2	19KTHD2.85	Lê Minh Hoàng	27/10/2004	Khá
10	10	19KTĐH2	19KTHD2.99	Phan Minh Quân	19/5/2004	Khá
11	11	19KTĐH2	19KTHD2.102	Nguyễn Hải Thanh Thủy	30/8/2004	Khá
12	12	19KTĐH2	19KTHD2.74	Nguyễn Thị Hoàng Uyên	21/12/2004	Khá
13	13	19KTĐH2	19CNO2.60	Nguyễn Hoàng Minh	18/6/2003	Khá
14	14	19KTĐH2	19KTHD2.136	Trần Nguyễn Kim Khánh	17/4/2004	Khá
15	15	19KTĐH2	19KTHD2.42	Mạch Thu Nghi	19/12/2004	Khá
16	16	19KTĐH2	19KTHD2.80	Võ Quốc Đào	29/9/2003	Khá
17	17	19KTĐH2	19KTHD2.05	Nguyễn Bảo Anh	29/3/2004	Khá
18	1	19QTM2	19KTHM2.34	La Vạn Phúc	14/11/2004	Khá
19	2	19QTM2	19KTHM2.74	Phan Tấn Quân	23/2/2004	Khá
20	3	19QTM2	19KTHM2.22	Dương Quốc Huy	27/10/2004	Khá
21	4	19QTM2	19KTHM2.29	Nguyễn Ngọc Kim Ngân	16/6/2004	Khá
22	5	19QTM2	19KTHM2.67	Ngô Quang Dũng	2/6/2004	Khá
23	6	19QTM2	19KTHM2.99	Võ Anh Phương	22/3/2004	Khá
24	7	19QTM2	19KTHM2.43	Kiều Minh Thảo	8/6/2004	Khá
25	8	19QTM2	19KTHM2.33	Đoàn Kim Phú	16/11/2004	Khá
26	9	19QTM2	19KTHM2.31	Lê Thị Ánh Nguyệt	20/11/2003	Khá
27	10	19QTM2	19KTHM2.24	Lâm Võ Trọng Khôi	4/8/2004	Khá
28	11	19QTM2	19KTHM2.09	Nguyễn Lê Thành Đạt	22/3/2004	Khá
2. KHOA ĐIỆN TỬ						
29	1	19ĐTCN2	19DTCN2.02	Lại Hoàng Đức Khải	30/6/2004	Khá
30	2	19ĐTCN2	19DTCN2.17	Phạm Quốc Huy	11/10/2004	Khá
31	3	19ĐTCN2	19DTCN2.21	Châu Thanh Tú	29/6/2004	Khá
32	4	19ĐTCN2	19DTCN2.01	Trần Thanh Hải	20/4/2004	Khá

TT	STT	Lớp	Mã số HS	Họ và tên	Ngày/ tháng/ năm sinh	Danh hiệu học sinh
3. KHOA CƠ KHÍ CHÍNH XÁC						
33	1	19CGKL2	19CKC2.12	Lê Minh Hoàng	23/2/2004	Khá
4. KHOA BẢO TRÌ CƠ KHÍ						
34	1	19BCK2	19BTCK2.03	Lê Thành Tài	10/12/2004	Khá
35	2	19BCK2	19BTCK2.07	Hứa Văn Tài	28/6/2004	Khá
5. KHOA CƠ KHÍ ĐỘNG LỰC						
36	1	19CNO2	19CNO2.100	Lê Thanh Tốt	22/4/2004	Khá
37	2	19CNO2	19CNO2.102	Võ Chí Trung	2/11/2002	Khá
38	3	19CNO2	19CNO2.48	Nguyễn Hoàng Đăng Khoa	21/4/2004	Khá
39	4	19CNO2	19CNO2.17	Nguyễn Đình Tiến Điền	9/7/2004	Khá
7. KHOA KỸ THUẬT LẠNH						
40	1	19CDL2	19CDL2.54	Nguyễn Văn Hiếu	8/1/2003	Khá
41	2	19CDL2	19CDL2.39	Thạch Ngọc Kiên	1/1/2000	Khá
42	3	19CDL2	19CDL2.19	Trần Thanh Phương	25/5/2004	Khá
43	1	19KTL2	19CDL2.04	Trần Minh Đạt	20/7/2004	Khá
44	2	19KTL2	19CDL2.36	Trần Quang Khải	27/2/2004	Khá
45	3	19KTL2	19DHKK2.10	Huỳnh Trọng Phúc	24/11/2004	Khá
46	4	19KTL2	19DHKK2.02	Nguyễn Vũ Đức Dũng	5/9/2004	Khá
47	5	19KTL2	19DHKK2.11	Trương Ứng Quyền	17/8/2003	Khá
48	6	19KTL2	19DHKK2.05	Nguyễn Đăng Khoa	14/11/2004	Khá
49	7	19KTL2	19DHKK2.04	Trương Huỳnh Duy Khánh	28/5/2004	Khá
50	8	19KTL2	19DHKK2.34	Trần Minh Đức	27/4/2004	Khá
51	9	19KTL2	19DHKK2.06	Lê Huỳnh Đỗ Đăng Khoa	26/6/2004	Khá
52	10	19KTL2	19DHKK2.08	Lâm Quang Luân	14/12/2004	Khá
53	11	19KTL2	19DHKK2.15	Hồng Tuấn Vỹ	8/2/2004	Khá
54	12	19KTL2	19DHKK2.14	Giang Tuấn Nhã	5/6/2004	Khá
55	13	19KTL2	19DHKK2.19	Dương Hiếu Nhân	10/8/2004	Khá
56	14	19KTL2	19DHKK2.36	Nguyễn Phan Quốc Tuấn	15/2/2004	Khá
B KHÓA 20K14						
1. KHOA CÔNG NGHỆ THÔNG TIN						
57	1	20QTM2	20QTM1.003	Phạm Lai Đại Phú	18/7/2005	Khá
58	2	20QTM2	20QTM2.008	Trần Ngọc Duy	6/11/2005	Khá
59	3	20QTM2	20QTM2.034	Nguyễn Duy Khánh	24/7/2005	Khá
60	4	20QTM2	20QTM2.002	Lưu Ngọc Ân	27/1/2005	Khá
61	5	20QTM2	20QTM2.041	Tăng Phúc Long	4/10/2005	Khá
62	6	20QTM2	20QTM2.043	Nguyễn Huỳnh Mai	11/6/2005	Khá
63	7	20QTM2	20QTM2.044	Hồng Đức Minh	21/6/2005	Khá
64	8	20QTM2	20QTM2.076	Lư Ngọc Thanh Trúc	27/9/2005	Khá
65	9	20QTM2	20QTM2.007	Trần Khánh Duy	19/12/2006	Khá
66	10	20QTM2	20QTM2.052	Lý Kiến Phong	8/6/2005	Khá
67	11	20QTM2	20QTM2.030	Nguyễn Tấn Hưng	29/1/2005	Khá
68	12	20QTM2	20QTM2.027	Nguyễn Trần Hoàng Huy	11/2/2004	Khá
69	13	20QTM2	20QTM2.063	Trương Trí Thanh	4/12/2005	Khá

TT	STT	Lớp	Mã số HS	Họ và tên	Ngày/ tháng/ năm sinh	Danh hiệu học sinh
70	14	20QTM2	20QTM2.070	Khuru Du Thịnh	1/4/2005	Khá
71	15	20QTM2	20QTM2.075	Phùng Hòa Triển	28/7/2004	Khá
72	16	20QTM2	20QTM2.024	Lương Huệ Huệ	7/8/2005	Khá
73	17	20QTM2	20QTM2.048	Nguyễn Phúc Nguyên	16/9/2005	Khá
74	18	20QTM2	20QTM2.051	Hà Tuấn Phát	19/7/2005	Khá
75	19	20QTM2	20QTM2.054	Lưu Hòa Phước	11/7/2005	Khá
76	20	20QTM2	20QTM2.064	Trần Cẩm Thành	6/11/2005	Khá
77	21	20QTM2	20QTM2.065	Trương Trung Thành	2/6/2005	Khá
78	1	20TKĐH2	20TKĐH2.120	Vòng Trung Thành	25/9/2005	Khá
79	2	20TKĐH2	20TKĐH2.023	Lê Thị Hồng Hạnh	5/4/2005	Khá
80	3	20TKĐH2	20TKĐH2.077	Huỳnh Nguyễn Quỳnh Nhi	24/3/2005	Khá
81	4	20TKĐH2	20TKĐH2.017	Trần Hy Dũng	11/12/2005	Khá
82	5	20TKĐH2	20TKĐH2.050	Huỳnh Thục Lệ	14/9/2005	Khá
83	6	20TKĐH2	20TKĐH2.116	Lưu Vương Thái	24/10/2005	Khá
84	7	20TKĐH2	20TKĐH2.020	Nguyễn Hữu Đức	9/1/2005	Khá
85	8	20TKĐH2	20TKĐH2.035	Lê Vĩnh Hùng	6/11/2004	Khá
86	9	20TKĐH2	20TKĐH2.088	Trần Chánh Gia Phú	29/9/2005	Khá
87	10	20TKĐH2	20TKĐH1.008	Châu Hữu Luân	17/1/1989	Khá
88	11	20TKĐH2	20TKĐH2.068	Hoàng Thị Kim Ngân	15/6/2005	Khá
89	12	20TKĐH2	20TKĐH2.080	Lý Bội Như	6/3/2005	Khá
90	13	20TKĐH2	20TKĐH2.099	Trần Hoàng Quý	7/10/2004	Khá
91	14	20TKĐH2	20TKĐH2.110	Nguyễn Thành Tài	23/9/2005	Khá
92	15	20TKĐH2	20TKĐH2.011	Lưu Ngọc Châu	10/2/2002	Khá
93	17	20TKĐH2	20TKĐH2.085	Tạ Thuận Phát	4/9/2000	Khá
94	18	20TKĐH2	20TKĐH2.107	Phạm Ngọc Sương	24/9/2005	Khá
95	19	20TKĐH2	20TKĐH2.001	Trần Nguyễn Thái An	2/3/2004	Khá
96	20	20TKĐH2	20TKĐH2.061	Văn Tuyết Mai	21/12/2005	Khá
97	21	20TKĐH2	20TKĐH2.141	Lê Thanh Trúc	24/3/2005	Khá
98	22	20TKĐH2	20TKĐH2.149	Huỳnh Mỹ Yến	10/3/2005	Khá
99	23	20TKĐH2	20TKĐH2.126	Nguyễn Minh Thuận	30/9/2005	Khá
100	24	20TKĐH2	20TKĐH2.022	Phong Utha Fueng Fa	21/3/2005	Khá
101	25	20TKĐH2	20TKĐH2.090	Trần Nguyễn Hoàng Phúc	15/4/2005	Khá
102	26	20TKĐH2	20TKĐH2.095	Tạ Hồng Hải Quân	15/5/2004	Khá
103	27	20TKĐH2	20TKĐH2.098	Nguyễn Minh Quân	28/3/2005	Khá
104	28	20TKĐH2	20TKĐH2.021	Đào Trung Đức	1/9/2004	Khá
105	29	20TKĐH2	20TKĐH2.038	Lâm Gia Hưng	7/5/2005	Khá
106	30	20TKĐH2	20TKĐH2.144	Bùi Ngọc Trúc Vân	23/7/2005	Khá
107	31	20TKĐH2	20TKĐH2.139	Trần Ngọc Trọng	4/1/2005	Khá
108	32	20TKĐH2	20TKĐH2.057	Trần Ngô Đại Lợi	20/2/2005	Khá
2. KHOA ĐIỆN TỬ						
109	1	20SCMT2	20SCMT2.005	Nguyễn Quang Đức	18/7/2005	Khá
110	2	20SCMT2	20SCMT2.013	Trương Thành Phát	16/10/2005	Khá
111	3	20SCMT2	20SCMT2.015	Trần Hoàng Phúc	13/9/2005	Khá

TT	STT	Lớp	Mã số HS	Họ và tên	Ngày/ tháng/ năm sinh	Danh hiệu học sinh
112	4	20SCMT2	20SCMT2.019	Lý Hoàng Thông	23/12/2005	Khá
113	5	20SCMT2	20SCMT2.034	Huỳnh Thái Bảo	14/1/2005	Khá
114	6	20SCMT2	20SCMT1.006	Huỳnh Kỳ Sơn	23/11/1998	Khá
115	7	20SCMT2	20SCMT2.001	Nguyễn Quốc Nam Anh	22/10/2005	Khá
116	8	20SCMT2	20SCMT2.004	Đinh Thiên Đạt	29/11/2005	Khá
117	1	20ĐTCN2	20ĐTCN1.002	Phạm Tiến Anh	19/5/1999	Khá
118	2	20ĐTCN2	20ĐTCN2.001	Phan Thành An	4/3/2005	Khá
3. KHOA CƠ KHÍ CHÍNH XÁC						
119	1	20CGKL1	20CGKL1.006	Lưu Nguyễn Nhật Minh	19/7/1999	Khá
120	2	20CGKL1	20CGKL1.015	Phạm Trọng Thuận	5/6/1999	Khá
121	3	20CGKL1	20CGKL1.007	Quách Khánh Tường	27/9/2002	Khá
122	4	20CGKL1	20CGKL1.001	Đoàn Hoàng	16/11/1989	Khá
123	5	20CGKL1	20CGKL1.010	Đào Thanh Long	10/1/2001	Khá
124	1	20CGKL2	20CGKL2.013	Lê Thanh Tài	28/11/2005	Khá
125	2	20CGKL2	20CGKL2.004	Phạm Nguyễn Thành Danh	25/7/2005	Khá
126	3	20CGKL2	20CGKL2.011	Trương Khánh Minh	11/8/2005	Khá
127	4	20CGKL2	20CTKM2.002	Lê Hoàng Khang	27/10/2005	Khá
4. KHOA BẢO TRÌ CƠ KHÍ						
128	1	20BCK2	20BCK1.005	Cao Minh Tùng	2/11/2005	Khá
129	2	20BCK2	20BCK2.007	Nguyễn Bùi Quốc Huy	13/7/2005	Khá
130	3	20BCK2	20BCK1.004	Đoàn Chính Tính	13/8/2004	Khá
131	4	20BCK2	20BCK2.019	Đỗ Kim Phát	1/5/2005	Khá
132	5	20BCK2	20BCK2.024	Nguyễn Phương Quyền	7/11/2004	Khá
133	6	20BCK2	20BCK1.001	Trương Hoàng Đạt	4/9/2005	Khá
134	7	20BCK2	20BCK2.017	Hồ Quang Nhật	3/4/2005	Khá
135	8	20BCK2	20BCK2.011	Trần Tuấn Kiệt	27/2/2005	Khá
136	9	20BCK2	20BCK2.010	Trần Văn Kiệt	7/9/2005	Khá
137	10	20BCK2	20BCK2.020	Châu Thiên Phát	30/6/2005	Khá
138	11	20BCK2	20BCK2.016	Từ Cẩm Nguyên	4/4/2005	Khá
139	12	20BCK2	20BCK2.028	Mộc Nghĩa Thắng	10/12/2005	Khá
5. KHOA CƠ KHÍ ĐỘNG LỰC						
140	1	20CNO1	20CNO1.021	Mai Trần Quốc Khánh	11/9/2002	Khá
141	2	20CNO1	20CNO1.010	Nguyễn Tấn Phước	6/12/2005	Khá
142	1	20CNO2	20CNO2.022	Nguyễn Thanh Đạt	21/5/2005	Khá
143	2	20CNO2	20CNO2.092	Lê Quốc Minh	17/6/2005	Khá
144	3	20CNO2	20CNO2.105	Huỳnh Thanh Phong	23/4/2005	Khá
145	4	20CNO2	20CNO2.111	Trương Gia Phúc	16/1/2005	Khá
146	5	20CNO2	20CNO2.125	Nguyễn Ngọc Thảo Tâm	6/4/2005	Khá
147	6	20CNO2	20CNO2.008	Nguyễn Thanh Cường	12/9/2005	Khá
148	7	20CNO2	20CNO2.011	Huỳnh Văn Chí	30/6/2005	Khá
149	8	20CNO2	20CNO2.061	Châu Khải Kiệt	20/9/2005	Khá
150	9	20CNO2	20CNO2.069	Nguyễn Minh Khang	23/8/2005	Khá
151	10	20CNO2	20CNO2.080	Thịnh Bảo Long	2/6/2004	Khá

TT	STT	Lớp	Mã số HS	Họ và tên	Ngày/ tháng/ năm sinh	Danh hiệu học sinh
152	11	20CNO2	20CNO2.131	Phan Đình Tú	9/7/2005	Khá
153	12	20CNO2	20CNO2.142	Nguyễn Văn Thắng	19/3/2005	Khá
154	13	20CNO2	20CNO2.158	Lý Tường Vỹ	29/7/2005	Khá
155	14	20CNO2	20CNO2.163.Q6	Trương Nghị Lực	11/8/2005	Khá
156	15	20CNO2	20CNO2.147	Nguyễn Phú Thuận	5/7/2005	Khá
157	16	20CNO2	20CNO2.028	Dương Hoàng Hải	18/10/2005	Khá
158	17	20CNO2	20CNO2.033	Nguyễn Huỳnh Minh Hào	1/1/2005	Khá
159	18	20CNO2	20CNO2.072	Lý Tuấn Khiêm	24/6/2005	Khá
160	19	20CNO2	20CNO2.099	Huỳnh Văn Nhân	4/3/2005	Khá
161	20	20CNO2	20CNO2.002	Phùng Quốc An	1/8/2005	Khá
162	21	20CNO2	20CNO2.003	Bùi Hùng Ân	19/11/2005	Khá
163	22	20CNO2	20CNO2.006	Thái Hoàng Gia Bảo	24/9/2005	Khá
164	23	20CNO2	20CNO2.012	Nguyễn Hoàng Huân Chương	14/6/2005	Khá
165	24	20CNO2	20CNO2.032	Lý Gia Hào	20/7/2005	Khá
166	25	20CNO2	20CNO2.094	Phùng Hữu Nghĩa	21/5/2005	Khá
167	26	20CNO2	20CNO2.120	Huỳnh Tấn Quy	8/10/2005	Khá
168	27	20CNO2	20CNO2.133	Trần Anh Tuấn	18/9/2005	Khá
169	28	20CNO2	20CNO2.157	Nguyễn Nhật Vương	2/5/2004	Khá
170	29	20CNO2	20CNO2.162	Trần Đức Thịnh	26/5/2005	Khá
6. KHOA KỸ THUẬT LẠNH						
171	1	20KTL2	20KTL2.001	Nguyễn Tuấn Anh	9/11/2005	Giỏi
172	2	20KTL2	20KTL1.001	Trần Minh Đạt	21/11/2004	Khá
173	3	20KTL2	20KTL2.002	Cao Tuấn Anh	6/7/1999	Khá
174	4	20KTL2	20KTL2.007	Trần Bảo Duy	28/9/2003	Khá
175	5	20KTL2	20KTL2.013	Lou Gia Huy	1/9/2005	Khá
176	6	20KTL2	20KTL2.014	Đỗ Anh Khải	23/9/2004	Khá
177	7	20KTL2	20KTL2.019	Cao Lê Đăng Khoa	24/8/2005	Khá
178	8	20KTL2	20KTL2.024	Tất Gia Minh	4/4/2005	Khá
179	9	20KTL2	20KTL2.026	Nguyễn Ngọc Thế Quân	25/5/2005	Khá
180	10	20KTL2	20KTL2.027	Lê Hoàng Kim Tài	18/12/2004	Khá
181	11	20KTL2	20KTL2.032	Nguyễn Hoàng Thanh	29/4/2004	Khá
182	12	20KTL2	20KTL2.046	Hồ Hoàng Minh Nhựt	18/9/2005	Khá
183	1	20CĐL2	20CĐL2.006	Ông Khải Đạt	29/8/2005	Khá
184	2	20CĐL2	20CĐL2.009	Nguyễn Hoàng Trường Giang	26/5/2004	Khá
185	3	20CĐL2	20CĐL2.015	Lê Huỳnh Tấn Hưng	11/12/2005	Khá
186	4	20CĐL2	20CĐL2.023	Nguyễn Thành Nhân	7/1/2005	Khá
187	5	20CĐL2	20CĐL2.030	Trần Thành Tài	4/7/2005	Khá
188	6	20CĐL2	20CĐL2.007	Đặng Quốc Đạt	4/11/2005	Khá
189	7	20CĐL2	20CĐL2.047	Phan Bá Luân	3/5/1999	Khá
190	8	20CĐL2	20CĐL2.001	Nguyễn Hoài An	21/11/2005	Khá
7. BỘ MÔN KỸ THUẬT NỮ CÔNG						

TT	STT	Lớp	Mã số HS	Họ và tên	Ngày/ tháng/ năm sinh	Danh hiệu học sinh
191	1	20MTT2	20MTT2.002	Trần Tấn Đạt	10/10/2005	Khá
192	2	20MTT2	20MTT2.018	Sú Quang Liêm	28/12/1995	Khá
193	3	20MTT2	20MTT2.001	Hồng Mỹ Duyên	17/2/2005	Khá
8. KHOA CƠ ĐIỆN TỬ						
194	1	20CĐT2	20CĐL2.033	Tử Thiên Toàn	12/8/2005	Khá
195	2	20CĐT2	20CĐT2.021	Trần Ngọc Thịnh	12/3/2005	Khá
196	3	20CĐT2	20CĐT1.001	Lê Hoàng Luân	27/5/2002	Khá
197	4	20CĐT2	20CĐT1.002	Huỳnh Quốc Duy	14/10/2004	Khá
198	5	20CĐT2	20CĐT2.027	Trần Quốc Khang	25/3/2005	Khá
199	6	20CĐT2	20CĐT2.001	Phạm Nguyên Anh	27/8/2000	Khá
200	7	20CĐT2	20CĐT2.007	Ôn Kỳ Hào	22/10/2005	Khá
201	8	20CĐT2	20CĐT2.022	Nguyễn Phan Trọng Trí	8/9/2005	Khá
202	9	20CĐT2	20TĐH2.002	Lưu Thành Đạt	17/5/2004	Khá
A KHÓA 21K15						
1. KHOA CÔNG NGHỆ THÔNG TIN						
203	1	21QTM2	21QTM2.004	Lê Trần Gia Hưng	27/10/2006	Khá
204	2	21QTM2	21QTM2.059	Tăng Gia Bảo	23/04/2006	Khá
205	3	21QTM2	21QTM2.049	Phan Thị Bích Tuyền	22/07/2005	Khá
206	4	21QTM2	21QTM2.076	Trần Đoàn Thọ	25/07/2006	Khá
207	5	21QTM2	21QTM2.002	Vòng Viễn Chấn	01/04/2006	Khá
208	6	21QTM2	21QTM2.041	Huỳnh Nhật Minh	02/10/2006	Khá
209	7	21QTM2	21QTM2.021	Hồ Khải Kiệt	26/05/2006	Khá
210	8	21QTM2	21QTM2.072	Nguyễn Tấn Tài	30/10/2006	Khá
211	9	21QTM2	21QTM2.066	Tô Ngọc Bảo Khang	28/02/2006	Khá
212	10	21QTM2	21QTM2.091	Nguyễn Trung Hậu	27/10/2005	Khá
213	11	21QTM2	21QTM2.038	Hà Văn Hoa	25/07/2006	Khá
214	12	21QTM2	21QTM2.045	Bành Gia Phát	04/02/2005	Khá
215	13	21QTM2	21QTM2.081	Thái Nguyễn Quốc Huy	03/08/2005	Khá
216	14	21QTM2	21QTM2.057	Nguyễn Dương Hoàng Vũ	23/09/2006	Khá
217	15	21QTM2	21QTM2.064	Bùi Tuấn Huy	20/07/2006	Khá
218	16	21QTM2	21QTM2.052	Nguyễn Minh Thiều	01/08/2006	Khá
219	17	21QTM2	21QTM2.069	Trần Ngọc Lan Phương	15/03/2006	Khá
220	18	21QTM2	21QTM2.080	Nguyễn Dương Hoàng Huy	24/07/2006	Khá
221	19	21QTM2	21QTM2.001	Võ Thị Thu Ngân	02/03/2004	Khá
222	20	21QTM2	21QTM2.051	Huỳnh Ngọc Minh Thành	14/08/2005	Khá
223	21	21QTM2	21QTM2.003	Lý Bội Hân	29/08/2006	Khá
224	22	21QTM2	21QTM2.053	Đỗ Quan Trình	06/01/2006	Khá
225	23	21QTM2	21QTM2.054	Phùng Ngọc Anh Trung	03/11/2006	Khá
226	24	21QTM2	21QTM2.055	Trần Hán Văn	10/03/2006	Khá
227	25	21QTM2	21QTM2.088	Quang Nguyệt Tâm	31/10/2006	Khá
228	26	21QTM2	21QTM2.043	Phạm Nguyễn Hoàng Như	22/09/2005	Khá
229	27	21QTM2	21CĐL2.006	Trương Duy Tân	27/04/2006	Khá
230	28	21QTM2	21QTM2.023	Nguyễn Ngọc Văn Nghĩa	22/06/2006	Khá

TT	STT	Lớp	Mã số HS	Họ và tên	Ngày/ tháng/ năm sinh	Danh hiệu học sinh
231	29	21QTM2	21QTM2.024	Võ Huỳnh Tấn Phát	16/08/2006	Khá
232	1	21TKĐH1	21TKĐH1.009	Nguyễn Trần Phương	12/01/2003	Khá
233	2	21TKĐH2	21TKĐH2.123	Lưu Bội Nhi	04/07/2006	Khá
234	3	21TKĐH2	21TKĐH2.060	Huỳnh Ngọc Trâm	28/08/2006	Khá
235	4	21TKĐH2	21TKĐH2.047	Nguyễn Ngọc Bích Như	24/02/2006	Khá
236	5	21TKĐH2	21TKĐH2.116	Hoàng Ngọc Mai	22/04/2006	Khá
237	6	21TKĐH2	21TKĐH2.070	Lưu Tiểu Hằng	10/10/2005	Khá
238	7	21TKĐH2	21TKĐH2.033	Phan Tuấn Khải	08/05/2006	Khá
239	8	21TKĐH2	21TKĐH2.007	Hồ Xuân Dzũ	14/11/2000	Khá
240	9	21TKĐH2	21TKĐH2.140	Trần Minh Thư	28/07/2006	Khá
241	10	21TKĐH2	21TKĐH2.040	Dương Kim Mẫn	15/08/2006	Khá
242	11	21TKĐH2	21TKĐH2.124	Dương Thanh Nhi	31/10/2006	Khá
243	12	21TKĐH2	21TKĐH2.125	Giang Hạnh Nhi	24/10/2006	Khá
244	13	21TKĐH2	21CNO2.014	Trương Văn Khang	22/07/2006	Khá
245	14	21TKĐH2	21TKĐH2.152	La Khải Vinh	17/03/2003	Khá
246	15	21TKĐH2	21TKĐH2.065	Nguyễn Thị Tường Vy	20/01/2006	Khá
247	16	21TKĐH2	21TKĐH2.145	Nguyễn Thị Yến Vy	10/02/2006	Khá
248	17	21TKĐH2	21TKĐH2.078	Huỳnh Gia Mẫn	26/12/2006	Khá
249	18	21TKĐH2	21TKĐH2.012	Lý Gia Minh	05/10/2006	Khá
250	19	21TKĐH2	21TKĐH2.011	Trần Hữu Lộc	02/09/2006	Khá
251	20	21TKĐH2	21TKĐH2.038	Nguyễn Cổ Hữu Luân	06/09/2006	Khá
252	21	21TKĐH2	21TKĐH2.058	Đặng Gia Thuận	12/04/2004	Khá
253	22	21TKĐH2	21TKĐH2.114	Huỳnh Đăng Khoa	12/11/2006	Khá
254	23	21TKĐH2	21TKĐH2.076	Lê Ái Triều Khả	29/01/2006	Khá
255	24	21TKĐH2	21TKĐH2.082	Trương Vòng Bảo Nghi	08/07/2006	Khá
256	25	21TKĐH2	21TKĐH2.120	Phan Đặng Thanh Ngân	01/03/2006	Khá
257	26	21TKĐH2	21CGKL2.011	Lại Thế Vinh	04/07/2006	Khá
258	27	21TKĐH2	21TKĐH2.037	Tăng Tiểu Linh	21/12/2006	Khá
259	28	21TKĐH2	21TKĐH2.042	Nguyễn Thanh Ngân	18/11/2006	Khá
260	29	21TKĐH2	21TKĐH2.010	Hoặc Gia Lạc	17/10/2006	Khá
261	30	21TKĐH2	21TKĐH2.064	Hoàng Ngọc Yến Vy	31/10/2006	Khá
262	31	21TKĐH2	21TKĐH2.083	Tô Nguyễn Phương Nhi	23/05/2006	Khá
263	32	21TKĐH2	21TKĐH2.066	Nguyễn Hữu Thiện	09/02/2006	Khá
264	33	21TKĐH2	21TKĐH2.022	Lê Thị Cẩm Tiên	16/09/2005	Khá
265	34	21TKĐH2	21TKĐH2.161	Lê Tú	31/03/2006	Khá
266	35	21TKĐH2	21TKĐH2.051	Nguyễn Nhật Tân	30/09/2006	Khá
267	36	21TKĐH2	21TKĐH2.160	Nguyễn Kim Toàn	22/08/2006	Khá
268	37	21TKĐH2	21TKĐH2.135	Trần Ngọc Thái Thanh	14/07/2005	Khá
269	38	21TKĐH2	21TKĐH2.055	Võ Thanh Thiên	19/03/2006	Khá
270	39	21TKĐH2	21TKĐH2.056	Hồ Trường Thịnh	26/09/2006	Khá
271	40	21TKĐH2	21TKĐH2.138	Ngô Vũ Ngọc Thoa	01/09/2006	Khá
272	41	21TKĐH2	21TKĐH2.162.Q6	Vương Vỹ Hồng	01/11/2006	Khá
273	42	21TKĐH2	21TKĐH2.180.Q6	Huỳnh Thị Ngân Vy	27/12/2006	Khá

TT	STT	Lớp	Mã số HS	Họ và tên	Ngày/ tháng/ năm sinh	Danh hiệu học sinh
2. KHOA ĐIỆN TỬ						
274	1	21SCMT2	21SCMT2.011	Trần Hoàng Phúc	15/03/2006	Khá
275	2	21SCMT2	21SCMT2.018	Tiêu Khải Tuấn	22/06/2006	Khá
276	3	21SCMT2	21SCMT2.026	Phan Tuấn An	21/05/2005	Khá
277	4	21SCMT2	21SCMT2.025	Phạm Trường Vũ	18/09/2006	Khá
278	5	21SCMT2	21SCMT1.004	Nguyễn Văn Thanh Phương	08/12//2006	Khá
279	6	21SCMT2	21SCMT2.014	Ngô Chí Lương	03/03/2006	Khá
280	7	21SCMT2	21SCMT2.006	Nguyễn Cao Thắng	03/07/2005	Khá
3. KHOA CƠ KHÍ CHÍNH XÁC						
281	1	21CGKL2	21CGKL1.001	Phạm Quốc Duy	14/04/2002	Khá
282	2	21CGKL2	21CGKL2.010	Nguyễn Minh Phúc	27/04/2006	Khá
283	3	21CGKL2	21CGKL2.012	Hàng Phương Huy	05/07/2006	Khá
284	3	21CGKL2	21CGKL2.006	Lê Thái Huy Hoàng	25/12/2006	Khá
285	3	20CGKL2	20CGKL2.014	Lê Huỳnh Anh Tú	27/7/2005	Khá
4. KHOA BẢO TRÌ CƠ KHÍ						
286	1	21BCK2	21BCN2.002	Mai Thái Toàn	20/01/2005	Khá
287	2	21BCK2	21TKĐH2.167	Lê Thanh Tài	14/10/2006	Khá
288	3	21BCK2	21BCK2.002	Nguyễn Hoàng Hiếu	13/07/2006	Khá
289	4	21BCK2	21BCK2.008	Nguyễn Minh Duy	21/10/2006	Khá
290	5	21BCK2	21BCK2.009	Đặng Hoàng Quân	21/12/2006	Khá
291	6	21BCK2	21BCN2.001	Hồ Tuấn Kha	03/11/2006	Khá
292	7	21BCK2	21BCK2.003	Dương Cơ Lễ	14/04/2006	Khá
293	8	21BCK2	21BCK2.010	Nguyễn Vương Thiên	15/10/2006	Khá
294	9	21BCK2	21BCK2.005	Nguyễn Tấn Đạt	05/04/2006	Khá
5. KHOA CƠ KHÍ ĐỘNG LỰC						
295	1	21CNO1	21CNO1.012	Trần Hà Gia Thịnh	24/04/2000	Khá
296	2	21CNO1	21CNO1.004	La Chấn Hào	28/10/1988	Khá
297	3	21CNO1	21CNO1.022	Võ Gia Khánh	11/11/2004	Khá
298	4	21CNO1	21CNO1.006	Nguyễn An Khang	05/10/2002	Khá
299	1	21CNO2	21CNO2.076	Lê Phước Đại	10/10/2006	Khá
300	2	21CNO2	21CNO2.176	Quách Gia Huy	23/03/2006	Khá
301	3	21CNO2	21CNO2.143	Cao Trần Công Minh	03/02/2006	Khá
302	4	21CNO2	21CNO2.007	Đặng Nguyễn Nhật Duy	09/12/2006	Khá
303	5	21CNO2	21CNO2.023	Lê Quốc Tuấn	31/07/2005	Khá
304	6	21CNO2	21CNO2.119	Lê Huỳnh Chí	24/08/2005	Khá
305	7	21CNO2	21CNO2.059	Diệp Trần Hữu Toàn	20/09/2006	Khá
306	8	21CNO2	21CNO2.062	Mai Thanh Thành	14/8/2006	Khá
307	9	21CNO2	21CNO2.016	Nguyễn Hoàng Nam	16/07/2006	Khá
308	10	21CNO2	21CNO2.022	Nguyễn Minh Tấn	25/06/2006	Khá
309	11	21CNO2	21CNO2.112	Ông Thế Vinh	01/12/2006	Khá
310	12	21CNO2	21CNO2.114	Trương Bảo Ân	29/01/2006	Khá
311	13	21CNO2	21CNO2.178	Vũ Minh Nhật	05/02/2006	Khá
6. KHOA KỸ THUẬT LẠNH						

TT	STT	Lớp	Mã số HS	Họ và tên	Ngày/ tháng/ năm sinh	Danh hiệu học sinh
312	1	21CĐL2	21CĐL2.010	Nguyễn Trường Huy	12/03/2005	Khá
313	2	21CĐL2	21CĐL2.012	Trần Thanh Sang	24/02/2006	Khá
314	3	21CĐL2	21CĐL2.013	Nguyễn Thanh Tâm	06/10/2006	Khá
315	4	21CĐL2	21CĐL2.014	Trần Minh Trí	13/12/2006	Khá
316	5	21CĐL2	21CĐL2.001	Lương Trí Kiệt	26/10/2003	Khá
317	1	21KTL2	21KTL2.003	Lê Thành Nhân	08/12/2006	Khá
318	2	21KTL2	21KTL2.005	Lê Tuấn Anh	06/01/2006	Khá
319	3	21KTL2	21KTL2.010	Trần Quốc Bảo	31/01/2006	Khá
7. BỘ MÔN KỸ THUẬT NỮ CÔNG						
320	1	21MTT2	21MTT2.011	Đặng Nguyễn Trà My	16/11/2006	Khá
321	2	21MTT2	21MTT2.018	Lương Bảo Ngọc	13/08/2006	Khá
322	3	21MTT2	21MTT2.009	Nguyễn Hoàng Tuyết Anh	27/05/2006	Khá
323	4	21MTT2	21MTT2.016	Nguyễn Ngọc Vy	04/05/2006	Khá
324	5	21MTT2	21MTT2.013	Lê Nguyễn Phương Oanh	01/09/2006	Khá
325	6	21MTT2	21CNO2.180	Trần Minh Khang	22/04/2006	Khá
326	7	21MTT2	21MTT2.006	Lê Đỗ Bích Quyên	15/07/2006	Khá
327	8	21MTT2	21MTT2.008	Lê Thị Thảo Vy	11/10/2006	Khá
328	9	21MTT2	21MTT2.015	Khưu Nguyễn Bảo Trâm	05/12/2006	Khá
329	10	21MTT2	21MTT2.003	Phạm Đặng Phương Thảo	10/12/2006	Khá
330	11	21MTT2	21MTT2.005	Lưu Kim My	02/10/2006	Khá
331	12	21MTT2	21MTT2.017	Diệp Trà My	08/10/2006	Khá
332	13	21MTT2	21MTT2.004	Lê Thị Thanh Thúy	04/08/2005	Khá
8. KHOA CƠ ĐIỆN TỬ						
333	1	21CĐT2	21CĐT2.001	Lê Quang Hợp	09/03/2006	Khá
334	2	21CĐT2	21CĐT1.008	Phan Lê Tuấn Duy	17/10/2005	Khá
335	3	21CĐT2	21TĐH2.004	Nguyễn Gia Nguyên	24/11/2006	Khá
336	4	21CĐT2	21TĐH1.002	Ngô Mạnh Trường	20/09/2003	Khá

Tổng cộng danh sách có **336** học sinh được nhận tuyên dương danh hiệu Khá học kỳ I năm học 2021 – 2022./.

HIỆU TRƯỞNG



Phạm Quang Trang Thủy

Quận 5, ngày 22 tháng 9 năm 2022

**PHÓ TRƯỞNG PHÒNG
PHÒNG CTHSSV**

Nguyễn Sơn